

Số: /GPMT-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường tại Báo cáo số 513/BC-TTĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum của Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Sông Hồng tại Văn bản số 16/CV-Cty ngày 19 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 430/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Sông Hồng (địa chỉ trụ sở chính Số 01, Bạch Đằng, Phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, với các nội dung như sau⁽¹⁾:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án: Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 24 tháng 12 năm 2024.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100205481, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 6 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 6100205481.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi dự án: Khu vực khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Quy mô diện tích: 11,49 ha.

- Công suất:

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác; trữ lượng được phép khai thác cấp 122 ở thể tự nhiên: 2.826.115 m³, tương đương ở thể nguyên khai 3.645.688 m³.

+ Công suất thiết kế khai thác khoáng sản: Từ năm thứ nhất đến năm thứ ba: Công suất khai thác 900.000 m³/năm. Năm thứ tư: Công suất khai thác 300.000 m³/năm. Năm thứ năm: Công suất khai thác 200.000 m³/năm. Từ năm thứ sáu đến năm thứ chín: Công suất khai thác 100.000 m³/năm. Năm thứ mười: Công suất khai thác 45.688 m³/năm.

+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 13.320.600.000 đồng (*Mười ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Sông Hồng được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Sông Hồng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường;

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (t/h);
- UBND thành phố Kon Tum (t/h);
- UBND xã Đăk Blà (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh (c/bố);
- Trang Thông tin điện tử của Sở TN&MT (c/bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn qua phía Tây Bắc khu vực khai thác (LV1) diện tích 2,1162 ha.
- Nguồn số 03: Nước mưa chảy tràn qua phía Tây khu vực khai thác (LV2,3) 2,361 ha.
- Nguồn số 04: Nước mưa chảy tràn qua phía Đông Bắc khu vực khai thác (gần điểm mốc số 5) (LV4, LV6) 4,2607 ha.
- Nguồn số 05: Nước mưa chảy tràn qua phía Đông Bắc khu vực khai thác (gần điểm mốc số 3, 4) (LV5) 2,7521 ha.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01): Nước thải được thu gom đưa về hệ thống xử lý, thoát ra mương thoát nước chung của dự án.
- Nước mưa chảy tràn (nguồn số 02,03,04,05): Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án được thu gom về rãnh thoát nước mưa, dẫn về các hố lắng để lắng bùn đất, theo địa hình chảy ra suối nhỏ gần khu vực dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nguồn số 01: Vị trí đầu nối giữa bể sinh học và mương thoát nước (X = 1.589.164, Y = 562.788); Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°);
- Nguồn số 02: Vị trí sau hố lắng (X = 1.589.162, Y = 562.353); Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°);
- Nguồn số 03: Vị trí sau hố lắng (X = 1.589.099, Y = 562.244); Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°);
- Nguồn số 04: Vị trí sau hố lắng (X = 1.589.277, Y = 562.823); Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°);
- Nguồn số 05: Vị trí sau hố lắng (X = 1.589.261, Y = 562.778); Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 0,98 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: 27.092 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: 30.226 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 04: 54.547 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 05: 35.234 m³/ngày đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nguồn số 01: Tự thấm vào đất.

- Nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04, nguồn số 5: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nguồn số 01: Xả liên tục (24 giờ)

- Nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04, nguồn số 5: Xả liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

- Nguồn số 01: Nước thải sau xử lý phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04, nguồn số 5: Nước mưa chảy tràn sau khi qua hố lắng vào nguồn nước tiếp nhận (theo địa hình, suối nhỏ gần khu vực dự án) phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số pH, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng phải đảm bảo cột A - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được dẫn về công trình xử lý, thải ra mương thoát nước bằng đường ống PVC Ø114 dài 1,5m.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt-> bể tự hoại cải tiến dạng BASTAF 4 ngăn (ngăn chứa-> 2 ngăn lắng-> ngăn lọc)-> Hồ sinh học-> Mương thoát nước.

+ Nước thải phát sinh theo đường ống thu gom về bể tự hoại cải tiến dạng BASTAF 4 ngăn có thể tích 5m³ (có các ngăn chứa, lắng, lọc), sau đó qua bể sinh học dung tích 18m³, nước sau khi xử lý đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, thoát ra mương thoát nước chung của dự án.

+ Định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình. Bùn thải phát sinh trong bể tự hoại định kỳ được Công ty hợp đồng với đơn vị dịch vụ có chức năng xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Năm khai thác thứ nhất: Bố trí 4 hố lắng kích thước 10m x 10m x 3m tại 4 vị trí thoát nước ra lưu vực (*Lưu vực thoát nước số 1, 2, 3, 6*).

- Năm khai thác thứ hai: Bố trí 3 hố lắng kích thước 10m x 10m x 3m tại 3 vị trí thoát nước ra lưu vực (*Lưu vực thoát nước số 1, 2, 3*). Vẫn tiếp tục sử dụng hố lắng tại cuối đường vận chuyển nội mỏ, kích thước 10m x 10m x 3m và hố lắng gần điểm mốc số 5, kích thước 3m x 3m x 2m (*Lưu vực thoát nước số 6*).

- Năm khai thác thứ ba: Bố trí 3 hố lắng kích thước 10m x 10m x 3m tại 3 vị trí thoát nước ra lưu vực (*Lưu vực thoát nước số 1, 2, 3*). Vẫn tiếp tục sử dụng hố lắng tại cuối đường vận chuyển nội mỏ, kích thước 10m x 10m x 3m và hố lắng gần điểm mốc số 5, kích thước 3m x 3m x 2m (*Lưu vực thoát nước số 6*).

- Năm khai thác thứ tư: Bố trí 3 hố lắng kích thước 10m x 10m x 3m tại 3 vị trí thoát nước ra lưu vực (*Lưu vực thoát nước số 1, 2, 4*). Vẫn tiếp tục sử dụng hố lắng tại cuối đường vận chuyển nội mỏ, kích thước 10m x 10m x 3m và hố lắng gần điểm mốc số 5, kích thước 3m x 3m x 2m (*Lưu vực thoát nước số 6*).

- Năm khai thác thứ năm: Bố trí 3 hố lắng kích thước 10m x 10m x 3m tại 3 vị trí thoát nước ra lưu vực (*Lưu vực thoát nước số 1, 2, 4*). Vẫn tiếp tục sử dụng hố lắng tại cuối đường vận chuyển nội mỏ, kích thước 10m x 10m x 3m và hố lắng gần điểm mốc số 5, kích thước 3m x 3m x 2m (*Lưu vực thoát nước số 6*).

- Năm khai thác thứ sáu, bảy, tám, chín, mười (*năm kết thúc khai thác*): Bố trí 1 hố lắng kích thước 10m x 10m x 3m tại vị trí gần điểm mốc số 1 (*Lưu vực thoát nước số 1*). Lắp đặt cống bê tông ly tâm D1.200 mm tại vị trí gần điểm mốc số 1, dài khoảng 80 m. Vẫn tiếp tục sử dụng hố lắng tại cuối đường vận chuyển nội mỏ, kích thước 10m x 10m x 3m và hố lắng gần điểm mốc số 5, kích thước 3m x 3m x 2m (*Lưu vực thoát nước số 6*).

- Đối với bề mặt tầng bảo vệ, tạo rãnh thoát nước bằng đất có kích thước 0,5m x 0,5m dẫn nước mưa xuống rãnh bậc của vách dưng khai thác, rãnh bậc có bề rộng 90 cm, khoảng cách giữa các bậc 28,5 cm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước lắng cát phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Sông Hồng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc thiết bị bốc xúc, khai thác (trong khu vực khai thác).

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại khu vực khai thác được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác khoáng sản số 372/GP-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Kon Tum).

2.2. Lưu lượng xả khí thải: Không xác định.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Không liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với bụi và các chất vô cơ; đảm bảo theo QCVN 05:2023/BNTMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Xả bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Phun nước tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (từ khu vực dự án ra Quốc lộ 24) và tại khu vực khai thác, bốc xúc với tần suất 06 lần/ngày (thực hiện vào những ngày trời nắng).

- Trước khi ra khỏi khu vực dự án, các bánh xe phải gạt đất, xịt rửa bánh xe trước khi cho lưu thông ra khỏi khu vực dự án.

- Bố trí công nhân thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường Quốc lộ 24 đoạn qua khu vực dự án, phải đảm bảo không phát sinh bụi, khí thải, không gây ảnh hưởng lưu thông trên tuyến đường.

- Trong quá trình vận chuyển đất san lấp phải phủ, che chắn, không để rơi vãi trên đường, chờ đúng trọng tải.

- Sử dụng phương tiện, máy móc thiết bị đã qua đăng kiểm.

3.3. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Sông Hồng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển; máy móc, thiết bị bóc xúc, khai thác (trong khu vực khai thác).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại khu vực khai thác được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác khoáng sản số 372/GP-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng về yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

TT	Khu vực thông thường		Giá trị giới hạn cho phép
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	55	QNVN 26:2010/BTNMT
2	85		QCVN 24:2016/BYT

3.2. Độ rung:

Giới hạn đối với độ rung phát sinh đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Khu vực thông thường		Giá trị giới hạn cho phép
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	60	QNVN 27:2010/BTNMT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Xây dựng kế hoạch khai thác, khai thác đúng công suất thiết kế; bố trí lịch trình khai thác, vận chuyển hợp lý về cả số lượng phương tiện, máy móc hoạt động và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung. Không khai thác, vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối để không ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của người dân. Yêu cầu tài xế giảm tốc độ, không bóp còi bừa bãi trong dừng chờ vận chuyển.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải có chứa thủy ngân	16 01 06	Rắn	6
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	24
3	Giẻ lau dính dầu, sơn	18 02 01	Rắn	18
Tổng				48

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 6,7 kg/ngày, bao gồm vỏ trái cây, thức ăn thừa, vỏ đồ hộp, vật dụng, bao bì nhựa, rau củ quả thừa, bao nylon...

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: Sinh khối thực vật khoảng 6,13 tấn/tháng.
- Khối lượng đất hữu cơ phát sinh trong quá trình bóc đất tầng phủ khoảng 57.450 m³ (bao gồm đất đã bóc tại giai đoạn thi công xây dựng).
- Khối lượng bùn đất trong quá trình nạo vét các hố lắng khoảng 3 m³/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được lưu giữ trong 03 thùng chứa HDPE dung tích 160 lít có nắp đậy, có dán nhãn bố trí trong kho chất thải nguy hại.
- Kho chứa chất thải nguy hại: Diện tích 7,2 m². Kết cấu: Tường sòng vuông, nền láng vữa xây, mái lợp tôn sòng vuông, có cửa khóa, bố trí biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 01 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít, vị trí đặt tại khu vực nhà quản lý.

- Công tác thu gom, xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, các loại chất thải rắn có thể tái chế (*chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy,...*) được tách riêng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Đối với rác không tái chế hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum thu gom và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Sinh khối thực vật: Thu gom và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum vận chuyển, xử lý.

- Đất hữu cơ trong quá trình bóc phủ và bùn, đất trong quá trình nạo vét các hố lắng trong suốt quá trình khai thác được thu gom, vận chuyển về bãi chứa tạm, được sử dụng để san gạt mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường, cụ thể:

+ Bãi chứa tạm số 1 (*chứa đất hữu cơ giai đoạn xây dựng, năm khai thác thứ nhất, năm khai thác thứ hai và năm khai thác thứ ba*): Nằm trong khu vực dự án, diện tích khoảng 3.760m².

+ Bãi chứa tạm số 2 (*chứa đất hữu cơ cho toàn mỏ, bao gồm lượng đất hữu cơ chứa tại bãi chứa tạm giai đoạn 1 được chuyển về*): Nằm tại phần diện tích đã kết thúc khai thác, diện tích khoảng 12.000m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố tai nạn lao động

Quá trình thi công xây dựng của dự án phải đảm bảo theo QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng-Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Sự cố cháy nổ

- Áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy và chữa cháy.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

3. Sự cố về an toàn giao thông

- Cắm biển báo theo quy định tại vị trí giao lộ để báo hiệu khu vực có xe vận tải ra vào. Phân luồng xe xuyên suốt quá trình hoạt động khai thác, tránh gây tai nạn, ách tắc giao thông.

- Phương tiện vận chuyển ra khỏi khu vực mỏ chấp hành nghiêm luật an toàn giao thông đường bộ, hạn chế lưu thông vào giờ cao điểm, không để rơi vãi đất ra đường gây ảnh hưởng đến lưu thông trên các tuyến đường vận chuyển.

- Chịu trách nhiệm, có biện pháp đảm bảo an toàn công trình, an toàn giao thông khi triển khai đầu nối vào Km157+450 (*trái tuyến*) Quốc lộ 24.

- Phối hợp với đơn vị có hoạt động khai thác gần khu vực dự án phân bố thời gian vận chuyển hợp lý tránh trường hợp tập trung mật độ phương tiện giao thông cao tại vị trí đầu nối với Quốc lộ 24.

- Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển (từ khu vực dự án ra Quốc lộ 24) thường xuyên, trung bình 2 tháng/lần và khi phát hiện có dấu hiệu hư hỏng.

4. Sự cố sạt lở bờ moong khai thác, bãi chứa tạm, bồi lấp khu vực xung quanh

- Trong quá trình khai thác phải đảm bảo góc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc theo đúng quy định.

- Thường xuyên giám sát các vị trí sụt trượt bờ mỏ để phát hiện và có biện pháp kịp thời phòng tránh nguy cơ sạt lở; trường hợp xảy ra sạt lở thì ngừng hoạt động khai thác, phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để xử lý.

- Tại các bãi chứa tạm thực hiện đắp bờ bằng đất và sử dụng vải địa kỹ thuật phủ lên toàn bộ bề mặt bờ chắn. Bố trí các hố lắng xung quanh để lắng bùn đất trước khi thoát ra lưu vực (hố lắng tại bãi chứa tạm 1 kích thước 3m x 3m x 2m; 04 hố lắng tại bãi chứa tạm 2 kích thước mỗi hố 3m x 3m x 2m).

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng thoát nước, vệ sinh môi trường, nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng, tần suất nạo vét vào mùa mưa (2 ngày/1 lần); làm kè rọ đá dọc ranh giới các lưu vực thoát nước số 1 (kè có kích thước 12m x 1m x 2m), lưu vực thoát nước số 2 (kè có kích thước 18m x 1m x 2m) và kè chắn (bằng gạch kích thước 48m x 1m x 1m) tại dọc tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ ra Quốc lộ 24.

5. Chủ dự án có trách nhiệm

Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Sau khi kết thúc khai thác, tiến hành hoàn thổ, san gạt, trồng cây bạch đàn tại đáy moong với diện tích 65.180 m². Trồng cây bạch đàn trên bề mặt tầng bảo vệ, cỏ vetiver trên vách dưng. Nạo vét rãnh thoát nước, xây dựng hố lắng bằng bê tông. Tháo dỡ công trình phụ trợ, xử lý môi trường. Khu vực ngoài biên giới mở trồng cây xung quanh ranh giới mở, nạo vét rãnh thoát nước, xây dựng hố lắng bằng bê tông, dựng biển báo nguy hiểm. Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển từ đường Quốc lộ 24 vào khu vực dự án. Cụ thể:

* *Khu vực khai trường:*

- Đối với khu vực đáy moong: Sau khi kết thúc khai thác, địa hình hình thành dạng đồi, coste kết thúc khai thác mở lần lượt là: +660,0 m (*gần điểm mốc số 6*); + 650,0 m (*lớp đá phiến cao nhất, đỉnh đồi*); +590,0 m (*gần điểm mốc số 7 và điểm mốc số 5*); +580,0 m (*gần điểm mốc số 1*), diện tích đáy moong 65.180 m². Sử dụng 57.450 m³ đất hữu cơ hoàn thổ, san gạt toàn bộ khu vực đáy moong khai thác của dự án, sau đó trồng cây bạch đàn. Chiều cao lớp đất hoàn thổ trung bình 0,88 m;

- Trồng cây bạch đàn diện tích 65.180 m², mật độ trồng 1.750 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm bằng 10% mật độ cây trồng;

- Xây dựng 02 hố lắng bằng bê tông gần điểm mốc số 1 và điểm mốc số 5 với kích thước 3x3x1m, chiều dày thành, đáy hố là 25 cm;

- Vách moong khu vực khai thác: Theo thiết kế khai thác, để đảm bảo an toàn, góc dưng kết thúc khai thác ở các vách đều $\leq 45^{\circ}$. Chiều cao tầng kết thúc khai thác là 10 m. Trồng cỏ covetiver trên vách dưng, quy cách trồng tại vách dưng như sau: Hàng cách hàng 1,5 m, cây cách cây 0,15 m. Đồ lớp bê tông đá 10x20, mác 150, dày 50 mm lên bề mặt rãnh bậc;

- Bề mặt tầng bảo vệ: Trồng cây bạch đàn trên bề mặt tầng bảo vệ, diện tích 10.815 m², mật độ trồng là 1.750 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm bằng 10% mật độ cây trồng. Nạo vét rãnh thoát nước trên bề mặt tầng bảo vệ.

* *Khu vực phụ trợ nằm trong ranh giới khu vực khai thác:* Khi thực hiện Chương trình cải tạo phục hồi môi trường tại khu vực phụ trợ sẽ tiến hành tháo dỡ các hạng mục: Nhà kỹ thuật Container, Nhà kho container, trạm cân, hút, lắp hầm tự hoại... Sau khi tháo dỡ các hạng mục công trình, tiến hành hoàn thổ và trồng cây phủ xanh cho khu vực này.

* *Khu vực ngoài biên giới mở:*

- Duy tu sửa chữa đường vận chuyển ra vào khu vực mở kết nối với Quốc lộ 24;

- Nạo vét rãnh thoát nước. Xây dựng 01 hố lắng bằng bê tông kích thước 3mx3mx1m, chiều dày thành, đáy hố: 25 cm;

- Trồng cây bạch đàn xung quanh diện tích khu vực khai thác, diện tích 4.800 m², mật độ trồng 1.750 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm bằng 10% mật độ cây trồng;

- Lắp đặt biển báo nguy hiểm xung quanh khu vực khai thác, khoảng cách trung bình các biển báo 100m, số lượng biển báo cần lắp đặt 17 biển.

2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và thời gian thực hiện

TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác		Sau khi kết thúc khai thác
1	Hoàn thổ, san gạt đáy moong	65.180 m ²	
2	Trồng bạch đàn tại đáy moong	65.180 m ²	
3	Trồng bạch đàn tại bề mặt tầng bảo vệ	10.815 m ²	
4	Trồng cỏ vetiver trên vách dừng	328.382 gốc	
5	Đổ bê tông lên bề mặt rãnh bậc	134,54 m ³	
6	Nạo vét rãnh thoát nước bề mặt tầng bảo vệ	180,25 m ³	
7	Xây dựng hố lắng bằng bê tông gần điểm mốc số 1 và số 5 ranh giới khu vực dự án.	Đào hố lắng: 18 m ³ Bê tông hóa: 10,5 m ³	
II	Khu vực phụ trợ (nằm trong ranh giới khai thác)		
1	Phá dỡ bê tông có cốt thép	9,2 m ³	Sau khi hoàn thành tất cả các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
2	Vận chuyển container, trạm cân về Công ty	187,5 tấn	
3	Hút hầm tự hoại, san lấp hầm tự hoại	01 cái	
III	Khu vực ngoài mỏ		
1	Duy tu, sửa chữa đường vận chuyển, chiều dài 100 m	135 m ³	Trong quá trình hoạt động dự án
2	Nạo vét rãnh thoát nước dọc tuyến đường vận chuyển	10 m ³	Sau khi kết thúc khai thác
3	Xây dựng hố lắng bằng bê tông cuối rãnh thoát nước của đường vận chuyển	San lấp hố lắng: 9 m ³ Bê tông hóa: 5,25 m ³	
4	Trồng cây bạch đàn xung quanh ranh giới khai trường	4.800 m ²	Trong quá trình hoạt động dự án (Bắt đầu khai thác năm thứ tư)
5	Lắp đặt biển báo nguy hiểm xung quanh khu vực dự án	17 biển báo	

3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 1.946.429.994 đồng (*Một tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 11 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 389.285.999 đồng (*Ba trăm tám mươi chín triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*);

+ Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo (10 lần): 155.714.400 đồng/năm (*Một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, bốn trăm đồng/năm*).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

- Về khối lượng đất không đủ điều kiện để làm vật liệu san lấp: Yêu cầu trong quá trình khai thác đất (từ quá trình bóc tầng phủ và quá trình khai thác) đưa về các bãi chứa tạm phải đảm bảo lưu giữ đủ khối lượng đất để phục vụ công tác phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về trách nhiệm của Công ty nêu tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 372/GP-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn

bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

* Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Xây dựng... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh./.
